

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ NINH
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HS-ST
Ngày 25-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giao

Bà Nguyễn Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Anh Tuấn - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Vũ Thị T**; – Giới tính: Nữ;
- Tên gọi khác: Không;
- Sinh ngày: 25/07/1969;
- Nơi ĐKKHKT: thôn L, xã N, huyện T, thành phố H;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Lương;
- Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;
- Con ông Vũ Đình L (Đã chết) và bà Đỗ Thị N (Đã chết)
- Chồng: Hoàng Lai Th - Sinh năm: 1962;
- Con: có 02 người con lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2000;
- Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/12/2018 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, tại thôn L, xã N, huyện T, thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: ông Đỗ Quốc D – Sinh năm 1960 (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: số nhà A, đường N, thị trấn Ph, huyện P, tỉnh P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 2/2017, Vũ Thị T, sinh ngày 25/07/1969, HKTT: thôn L, xã N, huyện T, thành phố H đến làm việc tại trại chăn nuôi lợn giống số 2 của gia đình nhà ông Đỗ Quốc D, sinh ngày 27/07/1960, HKTT: khu Đường Nam, thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Trong thời gian làm việc ở trại chăn nuôi lợn giống của nhà ông D, T có quen biết với Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 10/07/1987 có chồng là Khổng Trọng L, sinh ngày 11/04/1974, cùng có nơi ĐKKTT: khu 9, xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ và chị Ph có nhờ T nếu có mua được lợn giống hoặc lợn giống thái trong trại lợn thì bán cho vợ chồng chị Ph. Do bản thân cần tiền sử dụng cho việc cá nhân, T có nói chuyện với Bùi Thị H, sinh năm 1969, ở khu Mường Chanh, xã Vĩnh Đồng, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình là người làm cùng với T ở trại lợn về việc lấy lợn của trại lợn đem bán với giá 500.000 đồng/ 1 con lợn giống. Đến khoảng gần 24 giờ, ngày 02/10/2018, T sử dụng ĐTDD nhãn hiệu NOKIA 230 có số seri 1: 356935096860165; số seri 2: 356935098450916 có gắn số sim 1: 01632.293.183; số sim 2: 01637.633.181 gọi điện cho số sim 0976.965.742 của anh L và bảo với L lấy giúp mấy con lợn và bảo với L địa điểm bán lợn ở đồi chuồng lợn gần nơi bán lợn. Sau khi gọi điện cho L, T đi lên khu vực chuồng lợn giống, T gặp chị Hu, T bảo chị H tắt bóng đèn điện ở chuồng lợn giống số 1. Chị H đồng ý, sau khi chị H tắt bóng đèn đi, T đi vào chuồng lợn giống số 1, dùng tay bắt 07 con lợn giống cho vào 01 lồng kim loại, đặt trên chiếc xe đẩy cám của trang trại rồi đẩy xe ra khỏi chuồng lợn. Khi đẩy xe ra khỏi chuồng lợn khoảng 05m, T bị công nhân của trang trại phát hiện bắt quả tang và báo đến ông D, ông D đã báo cáo với Công an huyện Phù Ninh.

Ngày 03/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Ninh đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, lập biên bản sự việc, ghi lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời triệu tập Vũ Thị T về Công an huyện Phù Ninh để làm việc và tạm thu giữ: 01 chiếc lồng sắt đan hình mắt cáo, kích thước dài 90 cm, rộng 60 cm, cao 50 cm phía trên nắp lồng đan dây vải màu vàng. Cùng ngày. Vũ Thị T đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu NOKIA 230 có số seri 1: 356935096860165; số seri 2: 356935098450916 có gắn số sim 1: 01632.293.183; số sim 2: 01637.633.181, đã cũ, đã qua sử dụng là chiếc điện thoại T đã sử dụng để điện thoại cho anh L.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản số 37 ngày 04/10/2018 của Hội đồng định giá huyện Phù Ninh kết luận:

+ 03 con lợn cái cai sữa LY khoảng hơn 20 ngày tuổi (loại lợn lai bố mẹ giống LanDraceYorkShire) có lông màu trắng, cân nặng trung bình mỗi con khoảng 6 - 8kg/01 con, có giá trị là: 2.500.000 đồng/01 con x 03 con = 7.500.000 đồng.

+ 04 con lợn đực thiến LY khoảng hơn 20 ngày tuổi (loại lợn lai bố mẹ giống LanDraceYorkShire) có lông màu trắng, cân nặng trung bình mỗi con khoảng 6 - 8kg/01 con, có giá trị là: 1.500.000 đồng/01 con x 04 con = 6.000.000 đồng

Tổng giá trị tài sản đưa ra định giá là: 13.500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Vũ Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như đã nêu trên. Lời khai của T là phù hợp với vật chứng thu giữ được, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị T không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ nêu trên.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 20 - 12 -2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Vũ Thị T về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Vũ Thị T cho UBND xã N, huyện T, thành phố H giáo dục giám sát trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Vũ Thị T có trách nhiệm phối hợp UBND xã N, huyện T, thành phố H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng đối với bị cáo Vũ Thị T

Về khấu trừ thu nhập: Miễn áp dụng đối với bị cáo Vũ Thị T

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Vũ Thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 230 có số seri 1: 356935096860165; số seri 2: 356935098450916 kèm 02 sim điện thoại số 01632.293.183, 01637.633.181.

Tịch thu tiêu hủy:

01 chiếc lồng sắt đan hình mắt cáo, kích thước dài 90cm, rộng 60cm, cao 50cm, phía trên nắp lồng đan dây vải màu vàng.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Vũ Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị T đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi cấu thành tội phạm của bị cáo:

Khoảng gần 24 giờ ngày 02/10/2018, tại chuồng lợn giống số 1 của trại chăn nuôi lợn giống số 2 của gia đình nhà ông Đỗ Quốc D, HKTT: khu Đường Nam, thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Vũ Thị T đã thực hiện hành vi trộm cắp 07 con lợn giống của gia đình ông Đỗ Quốc D, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 13.500.000đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.* Như vậy hành vi của bị cáo Tám đã cấu thành tội *“Trộm cắp tài sản”*.

[3]. Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với mức độ phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên trước khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình vì vậy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cùng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo mà có thể áp dụng khoản 1 Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “ *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.*” do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định và không có tài sản gì ngoài các đồ dùng sinh hoạt thiết yếu. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định người bị kết án phải bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Xét thấy bị cáo T không có thu nhập ổn định vì vậy miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5]. Về vật chứng:

Đối với một chiếc lồng sắt đan hình mắt cáo, kích thước dài 90cm, rộng 60cm, cao 50cm, phía trên nắp lồng đan dây vải màu vàng và cơ quan công an thu giữ của bị cáo T là vật chứng của vụ án, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu và tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 230 có số seri 1: 356935096860165; số seri 2: 356935098450916 kèm 02 sim điện thoại số 01632.293.183 và 01637.633.181 là tài sản hợp pháp của bị cáo và không phải là vật chứng của vụ án vì vậy căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho bị cáo T.

Đối với Bùi Thị H và Khổng Trọng L, quá trình điều tra xác định H và L không biết gì về việc T trộm cắp lợn giống của trang trại nhà ông D, cũng không bàn bạc hay hứa hẹn trước với T. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Ninh không đề nghị xử lý đối với H và L.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Vũ Thị T cho UBND xã N, huyện T, thành phố H giáo dục giám sát trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Vũ Thị T có trách nhiệm phối hợp UBND xã N, huyện T, thành phố H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng đối với bị cáo Vũ Thị T

Về khấu trừ thu nhập: Miễn áp dụng đối với bị cáo Vũ Thị T

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy của bị cáo Vũ Thị T:

01 chiếc lồng sắt đan hình mắt cáo, kích thước dài 90cm, rộng 60cm, cao 50cm, phía trên nắp lồng đan dây vải màu vàng.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho bị cáo Vũ Thị T:

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 230 có số seri 1: 356935096860165; số seri 2: 356935098450916 kèm 02 sim điện thoại số 01632.293.183 và 01637.633.181.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25 tháng 12 năm 2018)

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Thị T, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND H.Phù Ninh;
- Cơ quan điều tra CA H.Phù Ninh;
- Chi cục THADS H.Phù Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Np, huyện T, thành phố H;
- Lưu HSVA, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Lan